TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HÀ NỘI** ---------- Số: **42**/2025/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 11/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- **Chị Trần Thanh T**, sinh năm 1989; CCCD: 001189011544 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: 2 hẻm D Ngõ T, phường V - Q, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường V - Q, thành phố Hà Nội).

- **Anh Đỗ Đức T1**, sinh năm 1988; CCCD: 001088031827 do do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: 2 hẻm D Ngõ T, phường V - Q, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường V - Q, thành phố Hà Nội).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thanh T và anh Đỗ Đức T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/12/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường V - Q, thành phố HÀ Nội). Nay chị T, anh T1 cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Trần Thanh T và anh Đỗ Đức T1 xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Tùng A (nam), sinh ngày 11/9/2013 và cháu Đỗ Tuệ L (nữ), sinh ngày 07/8/2020. Ly hôn anh chị thỏa thuận, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Đỗ Tùng A (nam), sinh ngày 11/9/2013 và cháu Đỗ Tuệ L (nữ), sinh ngày 07/8/2020. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đỗ Đức T1 tự nguyện

cấp dưỡng nuôi con chung đến khi các cháu trưởng thành, số tiền 5.000.000 đồng/tháng/2 cháu.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị T và anh T1 xác nhận anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị T và anh T1 xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị T và anh T1 tự nguyện thỏa thuận để chị T nộp cả tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ngoài các yêu cầu trên, chị P và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết bất cứ yêu cầu nào khác.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Trần Thanh T và anh Đỗ Đức T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thanh T và anh Đỗ Đức T1 xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Tùng A (nam), sinh ngày 11/9/2013 và cháu Đỗ Tuệ L (nữ), sinh ngày 07/8/2020. Giao cả hai cháu Đỗ Tùng A (nam), sinh ngày 11/9/2013 và cháu Đỗ Tuệ L (nữ), sinh ngày 07/8/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đỗ Đức T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/tháng/2 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh Đỗ Đức T1 có quyền tự do đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị T và anh T1 không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà không xét.

- Về nợ: Chị T và anh T1 xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị T và anh T1 để chị T nộp cả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000142 ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự, Thành phố Hà Nội. Chị Trần Thanh T đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Ngọc Thành